TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST Ngày 09-11-2018 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Xuyên

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/9/2018 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 12/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ma Thị Thanh M - sinh năm: 1987 (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Hà Xuân B - sinh năm: 1983(vắng mặt đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

Địa chỉ: đều ở khu 7, T, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- *Người có quyền lợi liên quan*:

1. Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, chi nhánh tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thanh H - Chức vụ Trưởng Phòng giao dịch số 3 chi nhánh tỉnh Phú Thọ, Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam (Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2018/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ma Thị Thanh M trình bày: chị và anh Bình kết hôn ngày 30/6/2008, tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng ở xã T, huyện C. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng cuối 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh B thường xuyên rượu chè về gây sự, hành hạ chị và anh B còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Tuy đã được gia đình khuyên giải nhiền lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, anh B không thay đổi. Từ tháng 3/2017 vợ chồng ly thân, đến tháng 01/2018 do mâu thuẫn trầm trọng chị và 02 ra con ngoài và đi ở nhờ cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2018 anh Hà Xuân B trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị M trình bày là đúng. Việc chị M xin ly hôn anh không đồng ý.

- *Về con chung*: Hai bên thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là Hà Trọng N - sinh ngày 08/4/2009 và Hà Trọng L - sinh ngày 06/3/2014. Hiện nay con chung đang ở với chị M.

Ly hôn chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của cháu N xin ở với chị M. Anh B không có ý kiến gì.

- *Về tài sản chung, công sức và đất nông nghiệp*: Hai bên trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị M trình bày vợ chồng có nợ Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Phú Thọ, phòng giao dịch số 3 số tiền gốc 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng) lãi suất phát sinh theo hợp đồng, khoản vay này hình thức tín chấp bằng lương và các khoản thu nhập của chị M. Ly hôn chị M xin trả ½ số nợ gốc và lãi phát sinh, còn để anh B trả ½ gốc và lãi suất phát sinh. Anh B có quan điểm sẽ trả toàn bộ số nợ trên, không yêu cầu chị M thanh toán chênh lệch trả nợ.

- Tại bản tự khai ngày 30/8/2018 người có quyền lợi liên quan đến vụ án là Ngân hành hợp tác xã Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Phú Thọ do bà Phạm Thị Thanh H - Chức vụ Trưởng phòng giao dịch số 3 đại diện trình bày về việc chị M và anh B còn nợ Ngân hàng số nợ là 180.275.922đ (Một trăm tám mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi hai đồng) cả gốc và lãi tính đến ngày 16/10/2018 , nếu anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết chị M phải trực tiếp trả số nợ trên cho Ngân hàng vì chị M và anh B cùng đứng tên vay vốn, nhưng vay bằng tín chấp lương của chị M. Tính đến ngày 09/11/2018 số tiền nợ gốc là

173.000.000đồng; lãi suất phát sinh là 8.602.000 đồng, tổng cộng là: 181.602.000đồng.

Toà án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án; Khi Tòa án về địa phương trực tiếp gặp anh B để làm việc, khi lập biên bản làm việc, biên bản lấy lời khai anh B trình bày quan điểm nhưng không ký và quá trình giải quyết vụ án anh B cố tình vắng mặt nhiều lần gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án không hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát việc về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81,82,83 và Điều 37, của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Thanh M được ly hôn anh Hà Xuân B. Về con chung: Giao 02 con chung là Hà Trọng N - sinh ngày 08/4/2009 và Hà Trọng L - sinh ngày 06/3/2014 cho chị M trực tiếp dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị M không yêu cầu. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Giao chị M phải trả số nợ chung của vợ chồng cho Ngân hành hợp tác xã Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Phú Thọ cả gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng, cụ thể nợ gốc là 173.000.000đồng; lãi suất phát sinh tính đến ngày 16/10/2018 là 8.602.000 đồng, tổng cộng là: 181.602.000đồng. Anh B có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch trả nợ cho chị M số tiền 90.801.000đồng. Về án phí: Chị Ma Thị Thanh M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của anh B, chị M đều cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ; chị M yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là "Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê

đã tống đạt hợp lệ cho đương sự, nhưng bị đơn anh B vắng mặt tại phiên tòa, nên phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa, nhưng bên bị đơn anh B lại tiếp tục vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị M và anh B bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của các đương sự và kết quả thu thập chứng cứ cho thấy: khoảng cuối năm 2016 thì vợ chồng chị M, anh B xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh B hay uống rượu say, nhiều lần đánh chửi chị M, tuy đã được gia đình, khu xóm hòa giải nhưng anh B không thay đổi, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Từ tháng 01/2018 chị Mơ và 02 con đi ở nhờ, không ở với anh B nữa, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người phụ nữ, đồng thời tránh sự ràng buộc không có lợi cho cả hai bên. Anh B không đồng ý ly hôn, nhưng thực tế trong thời gian vợ chồng sống ly thân và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải, nhưng anh B không hợp tác, cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, cũng không quan tâm chăm sóc giúp đỡ chị M và 02 con, nên quan điểm của anh B không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về con chung: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân 02 con chung vẫn do chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị M hiện nay là giáo viên có thu nhập, chỗ ở ổn định và hiện nay cháu L mới hơn 04 tuổi, cháu Na hơn 09 tuổi có nguyên vọng ở với mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của 02 cháu, cần giao con chung của hai người cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung, công sức và đất nông nghiệp: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Xét thấy khoản vay Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Phú Thọ là khoản vay chung của chị M và anh B, và khoản vay này là tín chấp bằng lương của chị M, anh B có quan điểm nhận trả toàn bộ số nợ trên, nhưng chị M tự nguyên xin được trả ½ số nợ chung của vợ chồng, nên cần giao cho chị M có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản vay này gồm nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 09/11/2018 là 181.602.000đ, anh B có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch trả nợ cho chị M số tiền là 90.801.000đồng

[6]. Về án phí: Chị Ma Thị Thanh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ma Thị Thanh M được ly hôn anh Hà Xuân B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Hà Trọng N - sinh ngày 08/4/2009 và Hà Trọng L - sinh ngày 06/3/2014 cho chị Ma Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày 09/11/2018 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M không yêu cầu.

Chị M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

Chị Ma Thị Thanh M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Phú Thọ, Phòng giao dịch số 3 số tiền gốc là: 173.000.000đ (Một trăm bảy mươi ba triệu đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tính đến ngày 16/10/2018 là 8.602.000 (Tám triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng), tổng cộng là: 181.602.000đ (Một trăm tám mươi mốt triệu sáu trăm linh hai nghìn đồng) .

Anh Hà Xuân B có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch trả nợ cho chị Ma Thị Thanh M số tiền 90.801.000đ (Chín mươi triệu tám trăm linh một nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Chị Ma Thị Thanh M phải chịu cả 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008293 ngày 07/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Tiên Lương;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng